

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ TNHH Vận Tài & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

Tên cổ đông	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị CP VND
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cừ	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
Cộng		11.802.000	118.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: info@thuanthao.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

THUẬN THẢO
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên

- Bà Võ Thị Thanh
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương
- Bà Võ Thanh Minh Hằng
- Ông Lương Ngọc Khánh
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương

Chức vụ

- Chủ tịch hội đồng Quản trị
- Phó chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên

- Ông Nguyễn Hữu Ân
- Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên
- Bà Phan Thị Bảo Trâm

Chức vụ

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Họ và tên

- Ông Võ Thanh Hoàng Chương
- Bà Võ Thanh Minh Hằng
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến
- Ông Nguyễn Văn Như

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2012 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



VŨ THANH HOÀNG CHƯƠNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2012

301
NG
P
IÁN
0A

h

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		397,863,845,656	286,242,369,818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,438,619,873	1,221,328,502
Tiền	111	VI.1	1,438,619,873	1,221,328,502
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374,064,575,658	270,933,481,784
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	280,755,077,608	207,094,994,457
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	30,431,075,083	31,234,304,873
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	62,878,422,967	32,604,182,454
IV. Hàng tồn kho	140		5,428,408,096	6,371,025,388
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	5,428,408,096	6,371,025,388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,932,242,029	7,716,534,144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	16,273,311,710	6,932,426,704
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		93,809,811	32,763,785
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	565,120,508	751,343,655
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,073,884,886,636	1,114,932,002,905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		959,046,939,009	987,161,768,317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	893,906,462,619	905,174,253,881
Nguyên giá	222		996,457,383,187	986,960,112,527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102,550,920,568)	(81,785,858,646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.9	63,305,031,733	73,947,990,273
Nguyên giá	225		87,566,651,663	95,041,349,078
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24,261,619,930)	(21,093,358,805)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	1,835,444,657	8,039,524,163
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		114,837,947,627	127,770,234,588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	109,336,312,387	121,724,683,262
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	5,501,635,240	6,045,551,326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,471,748,732,292	1,401,174,372,723

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,020,699,019,059	953,010,953,692
I. Nợ ngắn hạn	310		322,126,807,794	278,426,030,024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	153,732,640,514	160,176,012,157
2. Phải trả người bán	312	VI.14	14,325,277,899	17,413,369,715
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	176,654,933	1,067,865,494
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	37,305,884,843	22,998,292,376
5. Phải trả người lao động	315	VI.17	4,751,359,501	3,210,190,029
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	99,567,128,723	61,942,598,550
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	11,188,035,007	10,127,800,691
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,079,826,374	1,489,901,012
II. Nợ dài hạn	330		698,572,211,265	674,584,923,668
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	23,757,845,583	24,333,661,583
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.21	674,561,879,082	649,774,414,485
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		252,486,600	476,847,600
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		451,049,713,233	448,163,419,031
I. Vốn chủ sở hữu	410		451,049,713,233	448,163,419,031
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.22	435,030,000,000	435,030,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.22	9,022,107,363	8,820,270,056
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.22	2,506,140,934	2,450,075,015
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.22	4,491,464,936	1,863,073,960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,471,748,732,292	1,401,174,372,723

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2012



VÔ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2012	Quý III/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		103,348,542,690	140,235,406,531	332,948,645,538	407,859,878,613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		78,919,503	175,414,745	532,737,474	590,962,044
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	103,269,623,187	140,059,991,786	332,415,908,064	407,268,916,569
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	68,513,805,647	75,415,332,307	210,099,903,897	212,123,527,269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34,755,817,540	64,644,659,479	122,316,004,167	195,145,389,300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	3,012,315	6,920,519	14,912,831	19,228,282
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	18,084,894,648	43,152,990,079	65,064,144,324	114,785,339,906
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		18,084,894,648	43,152,990,079	65,064,144,324	114,785,339,906
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	7,193,835,849	10,625,793,898	27,618,079,253	31,456,591,650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	8,998,905,450	10,424,989,379	27,126,030,142	35,593,158,579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		481,193,908	447,806,642	2,522,663,279	13,329,527,447
11. Thu nhập khác	31	VII.7	909,445,232	2,386,185,326	6,606,246,162	18,773,561,918
12. Chi phí khác	32	VII.8	457,054,170	2,150,800,463	5,220,713,525	10,855,042,359
13. Lợi nhuận khác	40		452,391,062	235,384,863	1,385,532,637	7,918,519,559
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	50		933,584,970	683,191,505	3,908,195,916	21,248,047,006
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	233,396,243	170,797,876	977,048,980	5,312,011,751
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		700,188,727	512,393,629	2,931,146,936	15,936,035,255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	16	12	67	366



VŨ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3,908,195,916	21,248,047,006
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		28,678,736,030	28,736,329,868
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,076,067,410	(625,395,446)
- Chi phí lãi vay	06		65,064,144,324	114,785,339,906
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	08		98,727,143,680	164,144,321,334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(103,344,293,942)	(104,951,627,328)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		942,617,292	1,721,950,226
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12,785,185,065	(15,194,012,807)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,047,485,869	19,708,959,271
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27,439,614,151)	(82,045,289,087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(92,991,047)	(16,732,626,056)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,461,382,189	884,454,600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,728,509,372)	(3,272,317,016)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(16,641,594,417)</u>	<u>(35,736,186,863)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các	21		(5,890,941,432)	(14,301,965,439)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và	22		3,861,818,180	9,010,909,095
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(2,029,123,252)</u>	<u>(5,291,056,344)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ	31			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		237,068,243,227	369,554,727,073
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(206,891,979,870)	(309,436,207,383)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(11,288,254,317)	(21,437,896,300)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>18,888,009,040</u>	<u>38,680,623,390</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		217,291,371	(2,346,619,817)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1,221,328,502	2,986,145,537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		<u>1,438,619,873</u>	<u>639,525,720</u>



VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- *Hình thức sở hữu vốn* : Công ty Cổ phần.
- *Lĩnh vực kinh doanh* : Vận tải, thương mại, du lịch
- *Ngành nghề kinh doanh* :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

14. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.3.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	1.307.023.477	940.383.981
Tiền mặt tại VND	1.307.023.477	940.383.981
(b) Tiền gửi ngân hàng VND	130.936.397	273.944.512
– Ngân hàng Ngoại Thương	43.084.334	20.427.011
– Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	8.248.693	1.525.595
– Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	6.164.041	70.318.265
– Ngân hàng Công Thương	46.435.464	145.023.182
– Ngân hàng Đông Á	8.959.346	19.659.822
– Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	11.242.654	11.040.343
– Ngân hàng VPBank	502.946	802.099
– Ngân hàng Sacombank	1.934.012	2.167.612
– Ngân hàng Á Châu	4.364.907	2.980.583
(c) Tiền đang chuyển	659.999	7.000.009
Tiền đang chuyển VND	659.999	7.000.009
Cộng	1.438.619.873	1.221.328.502

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khách hàng bộ phận suga	129.292.651	58.762.500
- Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	921.345.210	597.840.000
- Bộ phận xe khách Tuy Hoà	356.035.558	115.090.439
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	336.246.592	66.970.258
- Khách hàng khách sạn CenDeluxe	721.351.224	703.171.950
- Phải thu khách hàng bộ phận Taxi	1.782.860	2.971.000
- Công ty TNHH CHC	655.663.449	35.931.447.766
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	276.650.000.000	168.650.000.000
- Các khách hàng khác	983.360.064	968.740.544
Cộng	<u>280.755.077.608</u>	<u>207.094.994.457</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH XDXL Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Ứng tiền mua đất tại Tp.HCM	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Hoàng Đạo	-	418.559.856
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	65.980.472	52.880.000
- Công ty Tiến Đạt	49.113.726	-
- DNTN Xăng dầu Hiệp Thành Phát	3.492.970	-
- Các khách hàng khác	166.736.450	617.113.552
Cộng	<u>30.431.075.083</u>	<u>31.234.304.873</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	6.250.360.194	6.045.783.726
- Bộ phận xe khách Qui Nhơn	26.557.000	11.000.000
- Bộ phận khách sạn CenDeluxe	4.680.335.075	4.687.901.455
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	53.704.005	59.399.005
- Công ty TNHH CHC	38.613.927.465	8.558.175.517
- Chương trình Hoa hậu trái đất chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	3.764.491.081	3.764.491.081
- Sao mai điểm hẹn chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	1.621.242.310	1.621.242.310
- Chương trình Duyên dáng Việt Nam 23 chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	5.805.676.670	5.805.676.670

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

– Các khoản khác	1.263.173.167	1.251.556.690
Cộng	62.878.422.967	32.604.182.454
5. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
– Nguyên liệu, vật liệu	2.333.236.701	2.478.038.073
– Công cụ dụng cụ	484.967.811	400.497.815
– Sản phẩm dở dang	2.395.024	2.346.451
– Thành phẩm	125.610.556	322.070.487
– Hàng hóa	2.482.198.004	3.168.072.562
Cộng	5.428.408.096	6.371.025.388
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
– Số đầu năm		6.932.426.704
– Tăng trong kỳ	21.413.905.831	
– Kết chuyển chi phí trong kỳ	11.979.437.188	
– Giảm khác trong kỳ	93.583.637	
Số cuối kỳ	16.273.311.710	
7. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
– Ông Lê Ngọc Hữu	8.148.000	10.157.300
– Bà Ngô Thị Hồng Sâm	40.800.000	-
– Tạm ứng bộ phận khách sạn	32.302.322	90.370.618
– Tạm ứng bộ phận Qui Nhơn	6.310.000	6.700.000
– Bà Võ Thị Thanh	122.408.920	122.408.920
– Tạm ứng bộ phận Sài Gòn	100.902.347	106.226.942
– Ông Tô Kỳ Hỷ	-	12.000.000
– Ông Lê Minh Hùng	-	32.718.000
– Phan Phú Thịnh	23.712.500	90.597.500
– Thạch Ngọc Cẩn	39.697.419	-
– Các nhân viên khác	190.839.000	280.164.375
Cộng	565.120.508	751.343.655

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	882.327.626.803	6.732.745.477	54.671.520.709	10.545.072.757	32.683.146.781	986.960.112.527
2. Tăng trong kỳ	7.129.109.585	2.866.792.653	9.057.971.995	-	126.695.000	19.180.569.233
- Xây dựng mới	7.129.109.585	-	-	-	-	7.129.109.585
- Mua sắm mới	-	254.000.000	4.196.067.233	-	98.000.000	4.548.067.233
- Nhận quyền sở hữu từ tài sản cho thuê tài chính	-	2.612.792.653	4.861.904.762	-	-	7.474.697.415
- Tăng khác	-	-	-	-	28.695.000	28.695.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	9.683.298.573	-	-	9.683.298.573
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	9.683.298.573	-	-	9.683.298.573
4. Số cuối kỳ	889.456.736.388	9.599.538.130	54.046.194.131	10.545.072.757	32.809.841.781	996.457.383.187
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	51.422.216.591	3.058.350.642	14.694.415.167	3.033.269.770	9.577.606.476	81.785.858.646
2. Tăng trong kỳ	13.606.297.109	1.956.110.627	5.895.804.688	851.331.801	3.301.656.259	25.611.200.484
- Khấu hao trong kỳ	13.606.297.109	584.641.906	3.545.884.026	851.331.801	3.301.656.259	21.889.811.101
- Nhận khấu hao từ tài sản thuê tài chính	-	1.371.468.721	2.349.920.662	-	-	3.721.389.383
3. Giảm trong kỳ	99.068.539	-	4.745.412.983	456.036	1.201.004	4.846.138.562
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	4.745.412.983	-	-	4.745.412.983
- Giảm khác	99.068.539	-	-	456.036	1.201.004	100.725.579
4. Số cuối kỳ	64.929.445.161	5.014.461.269	15.844.806.872	3.884.145.535	12.878.061.731	102.550.920.568
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	830.905.410.212	3.674.394.835	39.977.105.542	7.511.802.987	23.105.540.305	905.174.253.881
2. Số cuối kỳ	824.527.291.227	4.585.076.861	38.201.387.259	6.660.927.222	19.931.780.050	893.906.462.619

- Toàn bộ Giá trị của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải			Cộng
	Máy móc thiết bị	Tài sản khác		
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	666.666.667	87.011.739.309	7.362.943.102	95.041.349.078
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	4.861.904.762	2.612.792.653	7.474.697.415
Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang tài sản cố định	-	4.861.904.762	2.612.792.653	7.474.697.415
4. Số cuối kỳ	666.666.667	82.149.834.547	4.750.150.449	87.566.651.663
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	187.693.137	16.776.404.423	4.129.261.245	21.093.358.805

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Cộng
2. Tăng trong kỳ	62.505.621	6.335.985.048	491.159.839	6.889.650.508
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>62.505.621</i>	<i>6.335.985.048</i>	<i>491.159.839</i>	<i>6.889.650.508</i>
3. Giảm trong kỳ	-	2.349.920.662	1.371.468.721	3.721.389.383
<i>Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang tài sản cố định</i>	<i>-</i>	<i>2.349.920.662</i>	<i>1.371.468.721</i>	<i>3.721.389.383</i>
4. Số cuối kỳ	250.198.758	20.762.468.809	3.248.952.363	24.261.619.930
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	478.973.530	70.235.334.886	3.233.681.857	73.947.990.273
2. Số cuối kỳ	416.467.909	61.387.365.738	1.501.198.086	63.305.031.733

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình Nhà Rôbison	-	4.675.872.737
- Sửa chữa và xây dựng khác	1.835.444.657	3.363.651.426
Cộng	1.835.444.657	8.039.524.163

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số đầu năm		121.724.683.262
- Tăng trong kỳ	917.436.596	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	13.305.807.471	
- Số cuối kỳ	109.336.312.387	

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê tài chính	5.501.635.240	6.045.551.326
Cộng	5.501.635.240	6.045.551.326

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	85.062.801.746	97.449.926.670	97.530.309.641	84.982.418.775
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	71.982.730.823	58.100.753.532	64.605.215.798	65.478.268.557
- Vay cá nhân	3.130.479.588	2.430.928.025	2.289.454.431	3.271.953.182
Cộng	160.176.012.157	157.981.608.227	164.424.979.870	153.732.640.514

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xăng dầu Phú Thành	277.830.720	2.674.241.250
- DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	-	590.753.310
- Bộ phận khách sạn Cen Deluxe	1.299.803.025	1.116.037.437

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Công ty TNHH ITV VTTH Phú Yên	2.208.927.220	1.409.883.620
- Công ty TNHH CKL Việt Nam	747.267.653	436.370.300
- CN.Cty TNHH VT&SC ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	1.710.628.420	1.503.566.430
- CN.Cty TNHH VT&SC ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	485.333.970	-
- Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam	262.680.268	295.260.527
- Công ty CP Vedan	-	208.885.952
- Công ty Hoàng Phương	265.169.897	254.462.295
- Công ty CP nước khoáng Vĩnh Hào	252.264.673	302.297.634
- DNTN Tân Thanh	5.999.951	244.799.951
- DNTN TM Kim Phúc	541.264.426	495.412.143
- Công ty TMDVTH Hòa Khánh	-	12.307.000
- Công ty TNHH ô tô HINO Tây Nguyên	-	1.872.000.000
- Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	-	174.807.000
- Công ty TNHH TM Trang trí nội thất Châu Âu	214.530.283	214.530.283
- Cơ sở điêu khắc Rồng Vàng	23.635.000	115.150.000
- Công ty dầu ăn GOLDEN HOPE – Nhà bè	1.499.980.111	1.326.625.718
- Các Công ty khác	4.529.962.282	4.165.978.865
Cộng	14.325.277.899	17.413.369.715

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vận tải hành khách Sài Gòn	-	560.861.987
- Vận tải hành khách Quy Nhơn	-	324.612.073
- Chi nhánh khách sạn Cendeluxe	32.998.534	53.859.934
- Các khách hàng khác	143.656.399	128.531.500
Cộng	176.654.933	1.067.865.494

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế GTGT	34.988.395.417	21.590.496.717
- Thuế thu nhập cá nhân	278.434.837	212.951.108
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.961.962.222	1.077.904.289
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	77.092.367	116.940.262
Cộng	37.305.884.843	22.998.292.376

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
(Xem thuyết minh V.11)
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương còn phải trả người lao động	4.751.359.501	3.210.190.029
Cộng	<u>4.751.359.501</u>	<u>3.210.190.029</u>

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng	99.567.128.723	61.942.598.550
Cộng	<u>99.567.128.723</u>	<u>61.942.598.550</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm thất nghiệp	262.902.479	237.267.179
- Kinh phí công đoàn	48.800.363	47.039.863
- Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
- Hàng gửi	1.022.833.000	1.592.443.000
- Bộ phận khách sạn	-	10.006.585
- Bộ phận xe khách Quy Nhơn	12.540.864	20.898.364
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	19.656.449	101.057.534
- Ông Nguyễn Văn Chánh	-	217.500.000
- Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
- Các khoản khác	7.687.391.287	5.767.677.601
Cộng	<u>11.188.035.007</u>	<u>10.127.800.691</u>

20. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ nhân viên	9.864.088.875	10.245.704.875
- Bà Võ Thị Thanh	11.670.136.708	11.670.136.708
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	811.270.000	661.270.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	420.700.000	764.900.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	330.550.000	330.550.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
- Ông Trương Trọng Cừ	330.550.000	330.550.000

1/2/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Cộng	23.757.845.583	24.333.661.583
-------------	-----------------------	-----------------------

21. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	504.097.734.507	39.500.000.000	-	543.597.734.507
- Vay ngân hàng Công Thương	700.000.000	-	700.000.000	-
- Vay ngân hàng VP Bank	1.513.000.000	-	267.000.000	1.246.000.000
- Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	39.500.000.000	-	39.500.000.000	-
- Nợ thuê tài chính	58.620.219.657	-	11.832.170.403	46.788.049.254
- Vay cá nhân	45.343.460.321	39.586.635.000	2.000.000.000	82.930.095.321
Cộng	649.774.414.485	79.086.635.000	54.299.170.403	674.561.879.082

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	741.755.590	447.042.100.661
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.121.318.370	1.121.318.370
Giảm khác	-	-	-	(22.049.032.701)	(22.049.032.701)
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Trích lập quỹ	-	201.837.307	56.065.919	(302.755.960)	(44.852.734)
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.931.146.936	2.931.146.936
Số dư cuối kỳ	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	4.491.464.936	451.049.713.233

Cổ phiếu	Kỳ này	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.348.542.690	140.235.406.531
- Khoản giảm trừ doanh thu	78.919.503	175.414.745
Doanh thu thuần	<u>103.269.623.187</u>	<u>140.059.991.786</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.513.805.647	75.415.332.307
Cộng	<u>68.513.805.647</u>	<u>75.415.332.307</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Lãi tiền gửi	3.012.315	6.920.519
Cộng	<u>3.012.315</u>	<u>6.920.519</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
Chi phí trả lãi vay	18.084.894.648	43.152.990.079
Cộng	<u>18.084.894.648</u>	<u>43.152.990.079</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	440.886.624	440.321.800
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.176.909.697	4.797.226.443
- Chi phí khấu hao	3.636.056.960	3.577.798.241
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.985.501	568.305.856
- Chi phí khác bằng tiền	1.462.997.067	1.242.141.558
Cộng	<u>7.193.835.849</u>	<u>10.625.793.898</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.492.438.287	4.046.603.700
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.324.661.331	1.761.670.196

10
09
08
07
06
05
04
03
02
01

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Chi phí khấu hao	2.728.004.628	2.759.736.923
- Thuế, phí lệ phí	259.736.487	254.149.140
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.162.689	274.738.547
- Chi phí khác bằng tiền	809.902.028	1.328.090.873
Cộng	8.998.905.450	10.424.989.379

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Thu thanh lý xe	169.090.909	
- Các khoản khác	740.354.323	2.386.185.326
Cộng	909.445.232	2.386.185.326

8. Chi phí khác

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Giá trị còn lại của xe thanh lý	435.316.420	
- Các khoản khác	21.737.750	2.150.800.463
Cộng	457.054.170	2.150.800.463

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý III/ 2012</u>	<u>Quý III/2011</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	933.584.970	683.191.505
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Thu nhập chịu thuế	933.584.970	683.191.505
- Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	233.396.243	170.797.876

12.
G
H
V
T

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

VIII. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Bộ phận văn phòng	Bộ phận chi nhánh khách sạn Cendeluxe	Bộ phận chi nhánh Tp.HCM	Bộ phận chi nhánh Quy Nhơn	Tổng cộng
A- Kết quả					
1. Doanh thu	76.364.961.015	4.378.990.850	20.389.180.414	2.136.490.908	103.269.623.187
2. Giá vốn	48.207.203.001	3.362.603.399	14.418.321.097	2.525.678.150	68.513.805.647
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.157.758.014	1.016.387.451	5.970.859.317	-389.187.242	34.755.817.540
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	1.137.135.593.256	333.521.870.807	897.135.885	194.132.344	1.471.748.732.292
C- Nợ phải trả của bộ phận	1.018.514.366.721	1.531.635.267	640.476.207	12.540.864	1.020.699.019.059
D- Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	19.151.874.233	-	-	-	19.151.874.233

IX. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn chủ sở hữu (vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công cụ nợ tài chính được trình bày như sau:

Ghi nhận ban đầu:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.438.619.873	1.221.328.502
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.633.500.575	239.699.176.911
Cộng	345.072.120.448	240.920.505.413
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.513.312.906	27.541.170.406
Chi phí phải trả	99.567.128.723	61.942.598.550
Cộng	125.080.441.629	89.483.768.956

3162
 Y
 IN
 HẢO
 PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý của rủi ro tài chính

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá, lãi suất và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi do công ty không có các khoản công nợ chịu lãi suất. Ngày đáo hạn theo hợp đồng dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối kỳ			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.513.312.906		25.513.312.906
Chi phí phải trả	99.567.128.723		99.567.128.723
Cộng	125.080.441.629		125.080.441.629
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	27.541.170.406		27.541.170.406
Chi phí phải trả	61.942.598.550		61.942.598.550
Cộng	89.483.768.956		89.483.768.956

PHỤ LỤC 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.438.619.873	-	1.438.619.873
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.633.500.575	-	343.633.500.575
Cộng	345.072.120.448	-	345.072.120.448
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.328.502	-	1.221.328.502
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.699.176.911	-	239.699.176.911
Cộng	240.920.505.413	-	240.920.505.413

TP. Tuy Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2012



VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN THẢO
Số: 402/2012/GT – GTT
“V/v giải trình lợi nhuận
Quý 3 năm 2012”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Tuy Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2012

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Trước tiên Công ty Cổ phần Thuận Thảo xin chân thành cảm ơn Quý Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Thuận Thảo xin giải trình lợi nhuận Quý 3 năm 2012 tăng so với cùng kỳ năm trước: 187.795.098 đồng, tương ứng tăng 36,65 % căn cứ qua các chỉ tiêu cụ thể sau:

TT	CHỈ TIÊU	Quý 3 năm 2011 (1)	Quý 3 năm 2012 (2)	Chênh lệch (2) - (1)
1	Doanh thu thuần về bán hàng, CCDV	140.059.991.786	103.269.632.187	(36.790.368.599)
2	Giá vốn hàng bán	75.415.332.307	68.513.805.647	(6.901.526.660)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	64.644.659.479	34.755.817.540	(29.888.841.939)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6.920.519	3.012.315	(3.908.204)
5	Chi phí tài chính	43.152.990.079	18.084.894.648	(25.068.095.431)
6	Chi phí bán hàng	10.625.793.898	7.193.835.849	(3.431.958.049)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.424.989.379	8.998.905.450	(1.426.083.929)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	447.806.642	481.193.908	33.387.266
9	Thu nhập khác	2.386.185.326	909.445.232	(1.476.740.094)
10	Chi phí khác	2.150.800.463	457.054.170	(1.693.746.293)
11	Lợi nhuận khác	235.384.863	452.391.062	217.006.199
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	170.797.876	233.396.243	62.598.366
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	512.393.629	700.188.727	187.795.098



Qua số liệu so sánh cho thấy: Lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2012 tăng 187.795.098 đồng, tương ứng tăng 36,65 % so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu được xác định bởi các yếu tố chính sau:

1. Về doanh thu thuần và giá vốn hàng bán:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2012 có giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -36.790.368.599 đồng, tương ứng giảm -26,27 % nhưng giá vốn Quý 3 năm 2012 chỉ có giảm với tỷ lệ là -9,15 %. Dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -29.888.841.939 đồng, tương ứng giảm -46,24 %.
- Nguyên nhân chủ yếu giá vốn tăng cao là do giá nguyên vật liệu, nhiên liệu đầu vào và chi phí nhân công trực tiếp tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi phí:

- Chi phí tài chính Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -25.068.095.431 đồng, tương ứng giảm -58,09 % chủ yếu là trong Quý 3 năm 2012 Công ty đã được các Ngân hàng hạ lãi suất cho vay xuống thấp và đồng thời Công ty cũng đã trả bớt các khoản lãi vay đã đến hạn.
- Chi phí bán hàng Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -3.431.958.049 đồng, tương ứng giảm -32,30 % chủ yếu là trong Quý 3 năm 2012 Công ty đã cắt giảm bớt các chương trình khuyến mãi, các chi phí quảng cáo không có hiệu quả cũng như cắt giảm các chi phí Marketing.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -1.426.083.929 đồng, tương ứng giảm -13,68 % chủ yếu là trong Quý 3 năm 2012 Công ty đã quán triệt tiết kiệm tất cả các chi phí quản lý như điện, nước, chi phí sửa chữa, bảo trì

Từ những yếu tố chính trên đã dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2012 tăng so với Quý 3 năm 2011 là: 33.387.266 đồng, tương ứng tăng 7,46 %.

3. Về hoạt động khác:

- Thu nhập khác trong Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -1.476.740.094 đồng, tương ứng giảm -61,89 %. Nguyên nhân giảm chủ yếu là: trong Quý 3 năm 2011 có thanh lý phương tiện vận tải nhiều hơn nên lợi nhuận khác trong Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011.
- Chi phí khác trong Quý 3 năm 2012 giảm so với Quý 3 năm 2011 là: -1.693.746.293 đồng, tương ứng giảm -78,75 %. Nguyên nhân giảm chủ yếu là: trong Quý 3 năm 2011 có thanh lý phương tiện vận tải.

Do đó dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động khác Quý 3 năm 2012 tăng so với Quý 3 năm 2011 là: 217.006.199 đồng, tương ứng tăng 92,19 %.

Từ những kết quả đạt được từ các hoạt động nói trên đã làm cho lợi nhuận của Công ty trong Quý 3 năm 2012 tăng so với Quý 3 năm 2011 là: 187.795.098 đồng, tương ứng tăng 36,65 %.

Trên đây là phần giải trình về việc lợi nhuận trong Quý 3 năm 2012 của Công ty tăng so với cùng kỳ năm trước, kính gửi Quý Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Trân trọng kính chào!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thanh Hoàng Chương



Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Kiểm soát
- Lưu Phòng KTTT